BẢNG KHẢO SÁT THEO ISO 9001:2015
ISO 9001:2015 CHECKLIST

Ghi chú/Note *: Yes: Available; N/E = Not enough; No: Not available; N/A: Not applicable*

STT	YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU/HOẠT ĐỘNG	DOCUMENTATION AND ACTIVITIES REQUIREMENTS	CHECK			
			Yes	N/E	No	N/A
P	**HOẠCH ĐỊNH CHẤT LƯỢNG**	**QUALITY PLANNING (P)**				
1	Chính sách chất lượng	Quality Policy				
2	Phân tích bối cảnh của Công ty	Analyze the context of the Company				
3	Phạm vi HTQLCL	Scope of Quality Management System				
4	Mô tả các quá trình HTQLCL	Describe the processes of quality management system				
5	Quy định trách nhiệm, quyền hạn đối với HTQLCL	Responsibilities and authorities for the quality management system				
6	Phân tích các rủi ro, cơ hội đối với HTQLCL	Analyze risks and opportunities for quality management system				
7	Mục tiêu chất lượng	Quality objectives				
8	Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng	Implementation plan of Quality Objectives				
9	Quy trình kiểm soát tài liệu và hồ sơ	Procedure of documents and records control				
10	Quy trình đánh giá nội bộ	Procedure of Internal audit				
11	Quy trình xem xét của lãnh đạo	Procedure of Management review				
12	Quy trình hành động khắc phục và cải tiến	Procedure of Corrective action and improvement				
13	Quy trình xác định rủi ro và cơ hội của HTQLCL	Procedure of Identifying risks and opportunities of the quality management system				
14	Quy trình đào tạo	Procedure of Training				
15	Quy trình tuyển dụng	Procedure of Recruitment				
16	Quy trình quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị	Procedure of Management, maintenance, repair equipment				
17	Quy trình quản lý thiết bị theo dõi, đo lường	Process of monitoring and measuring equipment management				
18	Quy trình bán hàng	Procedure of Sales				
19	Quy trình thiết kế, phát triển sản phẩm	Procedure of Product design and development				
20	Quy trình mua hàng	Procedure of Purchasing				
21	Quy trình đánh giá, lựa chọn, theo dõi và đánh giá lại nhà cung cấp	Procedure of Suppliers evaluation, selection, monitoring and re-evaluation				
22	Quy trình lập và triển khai kế hoạch sản xuất	Process of Making and implementing a production plan				
23	Quy trình kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào	Process of Quality control of input materials and goods				
24	Quy trình kiểm soát chất lượng trên các công đoạn	Procedure of Quality control on lines				
25	Quy trình kiểm soát chất lượng thành phẩm đầu ra	Procedure of Quality control of output products				
26	Quy trình quản lý thay đổi 4M	Procedure of 4M change management				
27	Quy trình quản lý kho	Procedure of Warehouse management				
28	Quy trình nhận biết và truy tìm nguồn gốc sản phẩm	Procedure of Identification and traceability of products				
29	Quy trình kiểm soát sản phẩm, dịch vụ không phù hợp	Procedure of Nonconforming products and services control				
30	Quy trình đánh giá sự hài lòng của khách hàng	Procedure of Customer satisfaction assessment				
31	Quy trình xử lý khiếu nại của khách hàng	Procedure of Handling customer complaints				
D	**VẬN HÀNH CHẤT LƯỢNG**	**QUALITY OPERATION (D)**				
32	Danh mục tài liệu, hồ sơ của từng bộ phận	List of documents, records of each department				
33	Kế hoạch đào tạo	Training Plan				
34	Ghi chép và đánh giá về đào tạo	Record and evaluate training results				
35	Yêu cầu tuyển dụng	Recruitment requirements				
36	Đánh giá nhân sự (thử việc và định kỳ)	Assessment of personnel (for probationary and periodic)				
37	Hợp đồng lao động	Labor contracts				
38	Bản mô tả công việc cho các vị trí	Job description for each position				
39	Kế hoạch bảo dưỡng thiết bị	Equipment maintenance plan				
40	Biên bản, ghi chép bảo dưỡng thiết bị	Equipment maintenance records and report				
41	Kế hoach hiệu chuẩn thiết bị đo lường	Plan for measuring equipment calibration				
42	Hồ sơ hiệu chuẩn thiết bị đo lường còn hiệu lực	Documents about calibration of measuring equipment are still valid				
43	Hồ sơ đơn đặt hàng, hợp đồng với khách hàng	Profile orders, contracts with customers				
44	Kế hoạch thiết kế, phát triển sản phẩm	Designing and developing products plan				
45	Xem xét, kiểm tra, xác nhận giá trị sử dụng và phê duyệt thiết kế	Review, verification, validation and approvement of the design and development				
46	Hồ sơ về đánh giá năng lực quá trình (SPC)	Profile of process capability assessment (SPC)				

***Ghi chú/Note** : Yes: Available; N/E = Not enough; No: Not available; N/A: Not applicable*

STT	YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU/HOẠT ĐỘNG	DOCUMENTATION AND ACTIVITIES REQUIREMENTS	CHECK			
			Yes	N/E	No	N/A
47	Hồ sơ phê duyệt sản phẩm mẫu	Sample product approval document				
48	Bảng QC công đoạn	Quality plan flow chart				
49	Các hướng dẫn sản xuất từng sản phẩm cụ thể	Work instructions for each product				
50	Các tiêu chí kiểm tra từng sản phẩm cụ thể	The acceptance criteria for each specific product				
51	Các hướng dẫn bảo dưỡng các loại thiết bị	Instructions for maintenance of equipments				
52	Quy cách bao gói	Packaging specifications				
53	Mẫu giới hạn, các điểm chú ý	Limiting sample, points of attention				
54	Tiêu chí đánh giá lựa chọn các nhà cung cấp	Criteria for evaluating and selecting suppliers				
55	Theo dõi, đánh giá lại các nhà cung cấp quan trọng	Monitoring and re-evaluation for the important suppliers				
56	Lập, triển khai, điều chỉnh kế hoạch sản xuất	Making, deploying and adjusting production plans				
57	Theo dõi, cập nhật tiến độ sản xuất	Follow and update production progress				
58	Biên bản kiểm tra vật tư đầu vào	Record of measuring input materials				
59	Biên bản kiểm tra trên các công đoạn	Record of measuring products on the lines				
60	Biên bản kiểm tra thành phẩm cuối cùng	Record of measuring final products				
61	Biên bản xử lý sản phẩm không phù hợp	Records of nonconforming product handling				
62	Hồ sơ nhập kho, xuất kho	Records of import and export goods, materials and products				
63	Tem nhãn nhận biết, truy tìm nguồn gốc sản phẩm	Stamps for Identification and traceability				
C	**ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**	**QUALITY EVALUATION ©**				
64	Khảo sát, đánh giá sự hài lòng của khách hàng	Customer satisfaction surveys and assessments				
65	Theo dõi, đánh giá xu hướng chất lượng sản phẩm	Monitoring and evaluating products quality trends				
66	Kết quả đánh giá nhân sự	Human resource assessment results				
67	Đánh giá thực hiện yêu cầu, quy định của các bên liên quan (khách hàng, pháp luật, đối tác khác)	Compliance evaluation of requirements and regulations of related parties (customers, laws, other partners)				
68	Xử lý khiếu nại của khách hàng	Handling customer complaints				
69	Kế hoạch đánh giá nội bộ HTQLCL	Internal audit plan of the Quality Management System				
70	Biên bản, báo cáo đánh giá nội bộ HTQLCL	Internal audit report of the Quality Management System				
71	Biên bản, hồ sơ xem xét của lãnh đạo (phê duyệt các kiến nghị cải tiến - thay đổi, nhu cầu nguồn lực)	Management review records (approving recommendations for improvement - changes, need for resources)				
A	**CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG**	**QUALITY IMPROVEMENT (A)**				
72	Hành động khắc phục nhằm ngăn ngừa tái diễn sự không phù hợp	Corrective actions to prevent recurrence of nonconformity				
73	Bằng chứng về hiệu lực các hành động xử lý rủi ro, cơ hội đã đưa ra	Evidence of the effectiveness of risk and opportunities handling actions				
74	Hồ sơ, hình ảnh làm bằng chứng về kết quả cải tiến	Records and photos as evidence of improvement results				